TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HD** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/11/2018
V/v tranh chấp:"Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HD, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thuý Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Khuôn.

2. Bà Phạm Thị Hoài.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 478/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2018/QĐHPT ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M,** sinh năm: 1989.

ĐKHKTT: khu 3, phường HT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Hiện trú tại: Đội 4, thôn Cao Duệ, xã Nhật Tân, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Anh **Phạm Văn D,** sinh năm: 1982.

ĐKHKTT và nơi cư trú: số nhà 1 phố Lý Anh Tông, khu 3, phường HT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh Phạm Văn D được tự do tìm hiểu nhau 3 năm và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường HT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương vào ngày 16/02/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính

tình vợ chồng không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống bất đồng, vợ chồng luôn cãi nhau. Anh D là người không chí thú với gia đình khiến kinh tế gia đình sa sút, không quan tâm, chăm sóc vợ con, vợ chồng nghi ngờ nhau có mối quan hệ với người khác và đã ly thân gần một năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Chị M đã về ở nhờ nhà bố mẹ đẻ còn anh D sống với bố mẹ anh tại số 1 Lý Anh Tông, khu 3, phường HT, thành phố HD. Gia đình hai bên đều biết mâu thuẫn giữa vợ chồng chị nhưng không hòa giải được. Từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở, anh D cũng không tìm gặp và không có biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng. Nay, chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản của Tòa án cho anh D thông qua ông Phạm Văn C là bố đẻ anh D. Ông C xác định ông đã giao lại các văn bản của Tòa án cho anh D đầy đủ. Anh D đã biết Tòa án thụ lý việc chị M xin ly hôn với anh và giải quyết về con chung, đã biết thời gian Tòa án triệu tập đến làm việc nhưng do anh làm nghề lái xe nên rất bận, ý kiến của anh D xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa và đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị M. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản theo đúng quy định của pháp luật. Theo ông C trình bày, anh D và chị M kết hôn vào năm 2012. Sau khi cưới, anh chị ăn ở tại nhà của vợ chồng ông. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do anh chị không tập trung kinh tế, nghi ngờ lòng chung thủy của nhau, chị M không khéo léo trong cư xử với chồng, anh chị không gần gũi, thông cảm và chia sẻ được với nhau. Vợ chồng thuê trọ khoảng một năm nay nhưng do mâu thuẫn, anh chị trả nhà thuê trọ, anh D hiện đang ở với vợ chồng ông bà còn chị M và hai con về ở với bố mẹ đẻ tại thôn Cao Duệ, xã Nhật Tân. Vợ chồng đã ly thân, anh chị không còn liên lạc với nhau. Nay, chị M xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị M vì tình cảm vợ chồng không thể cải thiện được. Vợ chồng anh D và chị M có hai con chung, ông đề nghị Tòa án giao các con cho chị M nuôi dưỡng vì các con còn nhỏ, chị M nuôi dưỡng các con sẽ thuận lợi hơn trong việc nuôi dạy. Ông cũng đề nghị Tòa án cứ giải quyết vắng mặt anh D, toàn bộ giấy tờ của Tòa án, ông là bố xin nhận thay và có trách nhiệm chuyển tận tay anh D kịp thời để đảm bảo quyền lợi cho anh D. Về tài sản chung, ông C trình bày anh chị không có tài sản chung, không có đóng góp công sức gì với vợ chồng ông.

Tại đơn đề nghị ngày 08/10/2018, ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị B là bố mẹ đẻ của chị M trình bày: Anh D và chị M được tự do tìm hiểu, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/02/2012 tại UBND phường HT và được ông bà tổ chức lễ cưới. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D không vun vén, chăm lo cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm, chị M đã nhiều lần về nhà ông bà ở nhờ. Gia đình hai bên đã hòa giải cho anh chị nhiều lần. Nay, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn quan tâm đến nhau, chị M và hai con ở nhà ông bà từ đầu năm 2018 đến nay, anh D cũng không qua lại hỏi han. Nay, quan điểm của ông bà thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã từ lâu, không hòa hợp được nữa và

không còn cơ hội đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Vợ chồng có hai con chung, hiện đang ở với chị M, quan điểm của ông bà đề nghị Tòa án giao hai con cho chị M nuôi dưỡng, ông bà đều tạo điều kiện cho mẹ con chị M được ở nhà ông bà. Về tài sản chung, vợ chồng chị M, anh D không có tài sản chung.

Về con chung: Chị M trình bày, chị và anh D có hai con chung là Phạm Thị Hương Gi, sinh ngày 11/11/2014 và Phạm Thanh Tr, sinh ngày 01/02/2018, hiện đang ở với chị. Sau ly hôn, chị có nguyện vọng đề nghị Tòa án cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị trình bày và xin xác nhận thể hiện: hiện tại, chị làm thợ may, thu nhập của chị được khoảng 10 - 12 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi dưỡng hai con tốt, chị tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: chị M trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị không có tài sản riêng. Vợ chồng không nợ chung và cho ai vay chung; nợ riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên không có.

Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của chị M, Toà án tiến hành xác minh tại khu dân cư nơi anh D cư trú thể hiện: Anh Phạm Văn D và chị Nguyễn Thị M có hộ khẩu và cư trú tại số 1 Lý Anh Tông, khu 3, phường HT, thành phố HD. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không tập trung kinh tế, nghi ngờ lòng chung thủy của nhau nên chị M và hai con về nhà mẹ đẻ chị ở còn anh D vẫn đang ở cùng bố mẹ anh tại địa chỉ này. Anh D làm nghề lái xe nên rất bận. Về quan hệ vợ chồng và con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị M. Về tài sản chung, vợ chồng không có tài sản chung. Tại công văn số 4247/QLXNC-P5 ngày 12/11/2018 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác định: anh Phạm Văn D đã được cấp hộ chiếu số B8119509 ngày 02/07/2013, có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, xuất cảnh lần gần nhất 05/08/2013, nhập cảnh ngày 07/08/2013 qua cửa khẩu Cha Lo bằng hộ chiếu trên.

Tại phiên toà hôm nay, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Về con chung, chị đề nghị Tòa án cho chị được nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, chị xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ chung và cho ai vay chung; nợ riêng; công sức đóng góp với gia đình hai bên không có. Chị không có tài sản riêng.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án: Về quan hệ vợ chồng: xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Phạm Văn D; về quan hệ con chung: giao cho chị M nuôi dưỡng hai con chung là Phạm Thị Hương Gi, sinh ngày 11/11/2014 và Phạm Thanh Tr, sinh ngày 01/02/2018, thời gian kể từ tháng 11 năm 2018 đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị M tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh D được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về án phí: buộc chị M phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng. Chị M đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 12/11/2018; tại phiên tòa, anh D vắng mặt, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày hôm nay 27/11/2018, tại phiên tòa hôm nay, anh D vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh D theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ vợ chồng: chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Văn D được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường HT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương vào ngày 16/02/2012 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của anh, chị hạnh phúc khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm, chia sẻ đối với nhau, nghi ngờ lòng chung thủy của nhau, vợ chồng đã sống ly thân. Gia đình hai bên đã hòa giải cho anh chị nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Hiện nay, mỗi người ở một nơi. Tòa án triệu tập anh D nhiều lần, anh D đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa án làm việc, điều đó thể hiện anh không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ và không còn tình cảm với chị M. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn của chị M và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị M xin ly hôn anh D là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về quan hệ con chung: vợ chồng có hai con chung là Phạm Thị Hương Gi, sinh ngày 11/11/2014 và Phạm Thanh Tr, sinh ngày 01/02/2018, hiện đang ở với chị M. Sau ly hôn, chị có nguyện vọng đề nghị Tòa án cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung. Hiện tại, chị làm thợ may, thu nhập của chị được khoảng 10 - 12 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi dưỡng con tốt, chị tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con. Phía gia đình anh D và gia đình chị M cũng như khu dân cư đều đề nghị Tòa án giao hai con cho chị M nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện hai con chung của anh chị còn rất nhỏ, đều do chị M đang nuôi dưỡng. Bản thân chị M có nghề nghiệp, công việc, chỗ

ăn ở, sinh hoạt ổn định và thu nhập tốt, xét nguyện vọng của chị M và hai bên gia đình cũng như địa phương đều mong muốn giao hai con cho chị M nuôi dưỡng và chị tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung là chính đáng và đảm bảo quyền lợi của các con chung của anh chị nên được chấp nhận. Anh D được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: chị M trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không nợ chung, không nợ riêng và cho ai vay chung; công sức đóng góp với gia đình hai bên không có. Chị M trình bày chị không có tài sản riêng nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị M xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Phạm Văn D.

- *Về quan hệ con chung:* Xử giao cho chị Nguyễn Thị M nuôi dưỡng hai con chung là Phạm Thị Hương Gi, sinh ngày 11/11/2014 và Phạm Thanh Tr, sinh ngày 01/02/2018, thời gian kể từ tháng 11 năm 2018 đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị M tự nguyện không yêu cầu anh Phạm Văn D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Phạm Văn D được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0002566 ngày 16/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố HD. Chị Nguyễn Thị M đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị M, vắng mặt anh D. Chị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- *VKSND thành phố HD;*
- *Chi cục THADS TP. HD;*
- *Các đương sự;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND phường HT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương để lưu hộ tịch;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Thị Thúy Hạnh